

CHÍNH PHỦ

Số : 119/1999/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T.400b

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 1999

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
VỀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH KHUYẾN KHÍCH
CÁC DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ nhằm đổi mới, cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ.

Hoạt động khoa học và công nghệ được khuyến khích theo quy định của Nghị định này bao gồm :

1. Hoạt động nghiên cứu - triển khai (bao gồm : nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm) do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

2. Ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới;

3. Dịch vụ khoa học và công nghệ :

a) Các dịch vụ đòi hỏi kỹ thuật cao như : Hướng dẫn lắp đặt và vận hành dây chuyền công nghệ; phục hồi, sửa chữa, hiệu chỉnh máy móc, thiết bị,

dụng cụ thử nghiệm, phương tiện đo kiểm, thiết bị khoa học kỹ thuật có bộ phận điều khiển tự động;

b) Xử lý số liệu, tính toán, phân tích phục vụ trực tiếp nghiên cứu - triển khai, kiểm định và thử nghiệm;

c) Lập các báo cáo nghiên cứu tiên khả thi và khả thi;

d) Các hoạt động liên quan tới bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ, áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất;

đ) Các dịch vụ về thông tin, tư vấn khoa học và công nghệ, đào tạo cán bộ kỹ thuật, bồi dưỡng và nâng cao kiến thức quản lý kinh doanh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

Chương II CHÍNH SÁCH VÀ CƠ CHẾ KHUYẾN KHÍCH

Điều 3. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) có các hoạt động ứng dụng công nghệ cao, dịch vụ khoa học và công nghệ được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập thu được từ các hoạt động này như sau :

a) Thuế suất 25%;

b) Thuế suất 20% đối với doanh nghiệp đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

c) Thuế suất 15% đối với doanh nghiệp đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có dự án đầu tư vào các lĩnh vực ứng dụng và phát triển công nghệ cao, dịch vụ khoa học và công nghệ được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 4. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các trường hợp sau :

- a) Thu nhập từ việc thực hiện các hợp đồng nghiên cứu - triển khai;
- b) Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- c) Thu nhập từ việc góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ.

2. Các doanh nghiệp thuộc diện ưu đãi theo quy định tại Nghị định này không phải nộp thuế thu nhập bổ sung từ các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

3. Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) có các dự án đầu tư vào hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ; các dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ được hưởng các ưu đãi như sau :

- a) Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm của năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp 04 năm tiếp theo do đầu tư mới này mang lại;
- b) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh đóng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm của 03 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp 05 năm tiếp theo do đầu tư mới này mang lại;
- c) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh đóng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm của 04 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp 07 năm tiếp theo do đầu tư mới này mang lại.

4. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có các dự án đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 01 năm đầu, kể từ khi có thu nhập phải chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 02 năm tiếp theo.

Nhà đầu tư nước ngoài dùng thu nhập được chia để tái đầu tư được hoàn lại số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 30/1998/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 1998 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 5. Ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất

1. Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) có đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ, nếu sử dụng đất được giao hoặc đất thuê để xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học và công

nghệ; phòng, trạm, trại, xưởng thí nghiệm, thực nghiệm thì đối với phần diện tích đất này doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thuế sử dụng đất như sau :

a) Trường hợp được giao đất phải trả tiền sử dụng đất :

- Được giảm 50% tiền sử dụng đất;
- Được miễn tiền sử dụng đất nếu sử dụng đất được giao tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Trường hợp thuê đất phải trả tiền thuê đất :

- Được miễn tiền thuê đất 06 năm, kể từ khi ký hợp đồng thuê đất;
- Nếu thuê đất tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được miễn tiền thuê đất 15 năm, kể từ khi ký hợp đồng thuê đất;
- Nếu thuê đất tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án.

c) Trường hợp được giao đất phải trả tiền thuế sử dụng đất :

- Được miễn thuế sử dụng đất 06 năm, từ khi được giao đất;
- Nếu sử dụng đất được giao tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được miễn tiền thuế sử dụng đất 15 năm, từ khi được giao đất;
- Nếu sử dụng đất được giao tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn tiền thuế sử dụng đất trong suốt thời gian thực hiện dự án.

2. Nhà đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có đầu tư vào lĩnh vực khoa học và công nghệ nếu có thuê đất để xây dựng phòng thí nghiệm, xưởng chế thử hoặc để thực hiện nghiên cứu thí nghiệm, thực nghiệm thì đối với phần diện tích đất này, nhà đầu tư được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành về tiền thuê đất.

Điều 6. Ưu đãi về thuế nhập khẩu

Hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, thiết bị khoa học kỹ thuật có bộ phận điều khiển tự động, mẫu thí nghiệm, dụng cụ đo lường và thí nghiệm phục vụ trực tiếp cho các dự án, hợp đồng nghiên cứu - triển khai mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu được miễn thuế nhập khẩu.

Điều 7. Ưu đãi về tín dụng

Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) có các hoạt động quy định tại Điều 1 của Nghị định này được vay vốn trung hạn và dài hạn với lãi suất ưu đãi, mức vốn vay được đáp ứng đến 70% số vốn đầu tư tại Quỹ hỗ trợ phát triển, Quỹ hỗ trợ xuất khẩu, Quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ.

Trong trường hợp doanh nghiệp được Quỹ hỗ trợ phát triển bảo lãnh vay vốn trung hạn và dài hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, doanh nghiệp sẽ được Quỹ hỗ trợ phát triển cấp bù khoản chênh lệch giữa lãi suất vay ưu đãi với lãi suất vay thông thường.

Điều 8. Các chính sách khuyến khích khác

1. Doanh nghiệp khi sử dụng công nghệ là kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ do ngân sách Nhà nước đầu tư kinh phí (trừ các công nghệ thuộc bí mật về an ninh, quốc phòng và các đối tượng sở hữu công nghiệp khác đang được bảo hộ) chỉ phải trả tiền thù lao cho tác giả đã nghiên cứu ra công nghệ đó. Mức tiền phải trả thù lao cho tác giả bằng 30% giá chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ.

2. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp tối đa không quá 30% tổng kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới thuộc những ngành nghề Nhà nước ưu tiên khuyến khích do doanh nghiệp thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan khoa học thực hiện.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xem xét và quyết định mức hỗ trợ lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ.

3. Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước được trích 50% thu nhập tăng thêm sau thuế do áp dụng công nghệ mới để đầu tư lại cho hoạt động khoa học và công nghệ và thưởng cho cá nhân, tập thể trong và ngoài doanh nghiệp có công trong việc nghiên cứu, tạo ra và tổ chức áp dụng công nghệ mới đó. Tỷ lệ giữa mức thưởng và đầu tư lại cho hoạt động khoa học và công nghệ do Giám đốc quyết định, nhưng mức thưởng không quá 60% số tiền được trích. Thời hạn trích tối đa không quá 03 năm kể từ khi có thu nhập tăng thêm.

Điều 9. Thủ tục xét ưu đãi

Thủ tục xét ưu đãi về thuế, tín dụng của các dự án được điều chỉnh bởi Nghị định này thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi).

Trường hợp dự án có nhiều mức ưu đãi được quy định ở các văn bản pháp luật khác nhau thì chỉ được hưởng một mức ưu đãi cao nhất.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Nghị định này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả gây ra sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật; cá nhân có hành vi vi phạm nghiêm trọng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Hướng dẫn thi hành

Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với quy định của Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận :

- Thường vụ Bộ Chính trị,
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Các HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Toà án nhân dân tối cao,
- Cơ quan TW của các đoàn thể,

Đã ký - Phan Văn Khải

- Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật Việt Nam,
- Tổng công ty Nhà nước,
- Công báo,
- VPCP : BTCN, các PCN, các Vụ, Cục,
các đơn vị trực thuộc,
- Lưu : KG (5), VT.